

ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI

TẠP CHÍ KHOA HỌC Số 3 + 4 - 1992

HOÀN CẢNH VÀ ĐIỀU KIỆN HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT CỦA HỒ CHÍ MINH

BÙI ĐÌNH PHONG ⁺

1. Hồ Chí Minh sinh ra ở Nghệ An, một xứ nghèo nàn, cần cỗi, thiên tai khắc nghiệt. Từ xa xưa, người dân Nghệ an đã phải vật lộn, chiến đấu gian khổ với thiên nhiên dữ tợn tại. Họ cùng nhau cần cù lao động, đồng cam cộng khổ, một nắng hai sương mà cuộc sống vẫn vất vả quanh năm. Nghệ an cũng là mảnh đất có truyền thống chống giặc ngoại xâm suốt cả chiều dài của lịch sử dân tộc. Chính Hồ Chí Minh sau này đã có một lần nhận xét: "Nhân dân Nghệ tĩnh nổi tiếng cứng đầu" ⁽¹⁾.

Sống trong hoàn cảnh luôn luôn bị thiên tai, địch họa uy hiếp, người dân Nghệ an sớm biết yêu thương, đùm bọc lấy nhau, đoàn kết cùng nhau đề đấu tranh sinh tồn. Tình yêu thương của người dân Nghệ an là tình cảm sớm phát từ ý chí vì độc lập, tự do. Từ hoàn cảnh chung vừa nghèo khổ, vừa luôn luôn phải chống chọi với thiên tai khắc nghiệt và giặc ngoại xâm. Đó là tình cảm chân thành của một "quê hương nghĩa nặng tình cao", "lá lành đùm lá rách", giàu lòng vị tha, đùm bọc nhau máu chảy ruột mềm, môi hở răng lạnh, chị ngã em nâng... có thể nói một trong những phần tinh túy, ưu diễm trội nhất trong con người Nghệ An là tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau, tinh thần đoàn kết đấu tranh dũng cảm, kiên cường bất khuất. Đó chính là một trong những nét giá trị văn hóa truyền thống của quê hương Nghệ An.

Gia đình Hồ Chí Minh là một gia đình trí thức nghèo, nguồn gốc nông dân lao động. Ông, bà, cha, mẹ, anh, chị... đều là những người lao động. Họ đã sớm hòa mình vào cuộc sống lao động trong tình làng nghĩa xóm, trọng đạo lý 'hương nước, thương nhà, thương người, thương mình. Nét tiêu biểu trong gia đình Hồ Chí Minh là tình thương yêu giữa các thành viên với nhau, giữa cha mẹ và con cái, giữa ông bà với các cháu, vợ chồng, anh chị em, dì cháu, thầy trò... Hồ Chí Minh đã sống tuổi thiếu thời trong môi trường yêu nước và văn hóa của gia đình, quê hương, xứ sở. Điều kiện lịch sử và môi trường văn hóa đó tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự hình thành tư tưởng, tình cảm thời niên thiếu của Hồ Chí Minh, mà trước hết là sự hun đúc ở Người Lòng yêu nước từ rất sớm. Cùng với tình yêu nước, nếp sống văn hóa gia đình đã đem lại cho tuổi thơ Hồ Chí Minh những cơ sở

(+) Giảng viên Khoa Lịch sử Đại học Tổng hợp

tình cảm bền vững, một tình người trong sáng, đẹp đẽ. Từ tình cảm ruột thịt trong nhà, như tình cha - mẹ - con, tình anh - chị em, tình ông cháu đến tình cảm trong họ như tình bác cháu, dì cháu, mở rộng đến tình làng nghĩa xóm, tình thầy trò, tình bè bạn, rồi đến tình đất nước tình đồng bào, tình dân tộc. Cuối cùng vượt ra ngoài biên giới quốc gia là tình cảm đối với các dân tộc cùng cảnh ngộ. Cậu Cung đã từng khóc khi ông ngoại, mẹ và em chết. Cậu cũng nhiều lần đau xót trước cảnh đồng bào bị hành hạ tàn nhẫn vì thiếu tiền nộp tô, thuế, bị bắt đi phu, bị đàn áp đẫm máu trong các cuộc biểu tình. Người đã không cầm được nước mắt khi chứng kiến những người lao động da đen bị hành hình một cách man rợ v. v... Rõ ràng là trên cơ sở một chủ nghĩa yêu nước Việt Nam mang dấu ấn sâu sắc của thời đại là tính giai cấp, tính nhân dân, tính nhân đạo và hòa quyền trong đó các truyền thống văn hóa tốt đẹp của gia đình, quê hương, dân tộc, *mối quan tâm đến con người, tình thương người như thương mình ở Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành là cơ sở và là điểm xuất phát của tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh*. Đúng như Phạm Văn Đồng trong khi nêu bài học "đoàn kết toàn dân" của Hồ Chủ Tịch đã khẳng định "... chúng ta đều yêu nước tất cả. Hiểu nhau đề dung nhau, thương nhau là đoàn kết" (2).

2. Một may mắn lớn của Nguyễn Sinh Cung là sớm được sống gần gũi các sĩ phu và các nhà nho yêu nước thuộc thế hệ cha, chú. Từ lúc 15 tuổi, Nguyễn Sinh Cung, không những "giúp cha tiếp khách đến bình đọc "tân thư", mà còn "được ông Sắc đem đi theo giúp việc" trong khi đi tìm bạn bàn luận về thời cuộc (3). Hoàn cảnh thuận lợi đó đã giúp Cung sớm biết đến một Vương Thúc Mậu, người cùng làng đã tổ chức một đội nghĩa quân "chung nghĩa binh", hưởng ứng phong trào cần vương, anh dũng hy sinh trên mảnh đất quê hương mặt đối mặt với quân thù. Anh cũng biết tới Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Đào Tấn, Đặng Thái Thân... là những sĩ phu tâm huyết, đầy khí phách. Qua những câu chuyện được đưa ra bàn luận của các sĩ phu, Cung nghe nói nhiều về nhục mất nước, họa diệt vong và anh sớm có ý thức tình cảm về nỗi đau của thân nô lệ, sớm có ý chí đánh đuổi thực dân Pháp cứu nước. Nhưng một điều quan trọng khác là Cung đã rút ra được những bài học lớn về nguyên nhân thất bại của phong trào và nêu lên những nhận xét bước đầu: nước Việt Nam đã từng có những thời kỳ vinh quang và những anh hùng vĩ đại. Nhân dân Việt Nam trước sau không chịu làm nô lệ, chỉ hiềm một nỗi là chưa có một lực lượng kỳ diệu đoàn kết họ lại và trao cho họ thứ vũ khí vô địch. Một tác giả nước ngoài đã nhận xét có lý rằng: "Nguyễn Tất Thành rất kính trọng Phan Bội Châu, nhưng những dự định của Cụ không hề gợi lên một tiếng vọng nào trong tâm hồn cậu. Bác Phan đáng kính sẽ cùng với ai (người trích nhân mạnh - BDP) tiến hành giải phóng Tô quốc" (4). Và rồi anh đã ra đi tìm đường cứu nước theo một con đường khác, thực hiện hoài bão của mình bằng một phương pháp khác, phương pháp kiên trì thống nhất và đoàn kết lực lượng.

3. Ở tuổi 14, lần đầu tiên Nguyễn Sinh Cung chứng kiến cảnh thực dân Pháp vây ráp lùng bắt phu khắp các xóm thôn, làng xã đi làm gập rút đoạn đường từ Cửa Rào đến Trấn Ninh. Anh cũng đã thấy cảnh nhân dân ta sống quần quai dưới ách cai trị tàn bạo và nhiều thủ đoạn đàn áp dã man của thực dân Pháp và phong kiến. Thực tế đó được Người kể lại trong tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Mấy năm sau đó, mùa xuân năm 1908, Nguyễn Tất Thành có điều kiện hòa mình vào dòng xoáy của cao trào cứu quốc của mọi tầng lớp nhân dân ở kinh thành Huế với tất cả nhiệt tình yêu nước đã nung nấu bấy lâu nay. "Cậu hô hào các bạn "hợp quần" ái quốc, truyền cho các bạn thân chép các bài ca ái quốc để tuyên truyền cho đồng bào" (5). Và khi phong trào đấu tranh đòi giảm sưu thuế của nhân dân Thừa Thiên Huế nổ ra, Thành đã tham gia phong trào đó với một tấm lòng hăng say thực sự. Sức mạnh đoàn kết, tiếng gọi "đồng bào" đã làm cho anh sung sướng, đắm say: "khắp nơi tràn ngập bầu không khí đoàn kết, anh em. Họ gọi nhau bằng một từ mới đầy ý nghĩa "đồng bào" Hai tiếng nước vang lên như một điệu nhạc đắm say đối với những người yêu nước" (6).

Rõ ràng những ngày sống ở kinh thành Huế trong không khí sôi động của những cuộc nổi dậy của quần chúng đã tác động mạnh mẽ đến tâm hồn Thành. Từ cửa Rào - Trấn Ninh đến kinh đô Huế, cuộc sống thực tế cứ mỗi ngày lại dạy thêm cho anh những bài học bổ ích. Anh ngày đêm trăn trở, nghĩ suy: quần chúng có lực lượng đông đảo, kiên cường đấu tranh, nhưng rồi tất cả đều bị chìm trong máu? Anh muốn cứu nước chỉ bằng lòng yêu nước chưa đủ. Vấn đề là ở chỗ phải xem xét, quan sát thật nhiều, tìm ra lý luận cách mạng đúng để có phương pháp và hành động đúng. Điều quan trọng là phong trào sôi nổi của quần chúng cần có tổ chức và lãnh đạo" (7). Nguyễn Sinh Cung quyết định thực hiện ý định của mình bằng cách đi Nam để mở rộng thêm tầm hiểu biết về đất nước, con người, thời cuộc để tìm ra được một con đường, một biện pháp cứu dân, cứu nước có kết quả.

4. Ngay từ hồi còn nhỏ, Nguyễn Sinh Cung đã rất thích đọc sách về lịch sử nước ta. Loại sách viết về truyền thống đoàn kết chống giặc giữ nước của dân tộc ta đã bổ sung thêm sự hiểu biết cho Cung khi mà những điều giảng giải của cha, chú chưa làm cho anh thỏa mãn. Thông minh, hiếu động, luôn luôn thích tìm tòi, khám phá những điều mới mẻ, Cung cố tìm trong sách vở lời giải đáp cho những câu hỏi về con đường, lực lượng và phương pháp giải phóng. Các loại sách viết về lịch sử nước Nam, tác phẩm văn xuôi của Nguyễn Trãi, thơ Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu... đã làm cho trái tim Cung vừa căm thù quân xâm lược, vừa xao xuyến, rung động tràn đầy một tình yêu quê hương, đất nước, con người. Nhận xét về ảnh hưởng của thơ Nguyễn Du đối với Nguyễn Tất Thành, có tác giả viết: "Không phải những dòng thơ tuyệt tác, đẹp và đầy hấp dẫn của Nguyễn Du mà chính là nội dung "nổi loạn" của những văn thơ ấy làm cho trái tim sôi nổi, đang khát khao đi tìm chân lý cuộc đời của những thanh niên như Nguyễn Tất Thành phải xao xuyến, rung động" (8).

Ngoài những sách của các tác giả trong nước, Cung còn say mê đọc những cuốn tiểu thuyết lịch sử cổ Trung quốc. Đặc biệt đề hiểu nước Pháp, "muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn dấu đằng sau những từ tự do, bình đẳng, bác ái" (9) Cung đã đọc nhiều sách của các tác giả người Pháp như các cuốn "Không gia đình", "Những người khốn khổ", "thư tặc", sách của Mông-tét-xki-ơ, Rút-xô... Những cuốn sách đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng và tình cảm của Hồ Chí Minh lúc còn nhỏ: "Những lời kêu gọi tha thiết chiến đấu cho tự do, bình đẳng và tình anh em trong cuốn sách (cuốn thú tội - BDP) cũng làm cho Thành xúc động" (10). Bản thân Cung lại rất thấm thía sau khi đọc cuốn "Không gia đình". Trong lúc xã hội có chuyện người ăn hiếp người thì lại có chuyện

con chó Capi, con khỉ Giô - li - cơ của ông già xiếc Vi-ta-li, có tình, có nghĩa với chủ nó, và chúng sống có tình bạn, tình đồng đội, thương nhau như con một nhà" (11). Từ những trang sách "Những người khốn khổ" Thành thấy "bên tây có vô số người khốn nạn,... Vẫn cái bất công "kẻ ăn không hết người lẫn không ra". Con người bị dày dụa kinh khủng" (12). Một tác giả nước ngoài, E-Cô-Bê-Lép lại có một nhận xét cụ thể rằng: "qua tác phẩm "thú tội" của Rút-xô, Thành biết được rằng chính cuộc sống cũng như thế giới bất bình đẳng, thế giới đau khổ, nghèo đói xung quanh ông (tức Rút-xô., B. Đ. P), đã giúp ông sau này trở thành người đề xướng những tư tưởng cao quý về tự do, bình đẳng, bác ái và trở thành sứ giả của đại cách mạng Pháp" (13).

Vậy là, từ trái tim đầy nhiệt huyết, Thành sớm biết đến mối tình anh em chiến đấu cho bình đẳng, tự do, phân biệt được sự đối lập giữa một bên là thù hận giữa người đi áp bức với người bị bóc lột và bên kia là cuộc sống có tình, có nghĩa giữa những người bị dụa dày đau khổ. Cùng với thực tế khắc nghiệt của cuộc sống, kiến thức sách báo đã giúp Thành hiểu thêm đời sống xã hội và con người không chỉ ở Việt Nam mà ngay cả ở nước Pháp, một nước Pháp "Vân minh" có "sứ mạng khai hóa" các dân tộc nhược tiểu. Ở đó cũng đầy rẫy bất công và không thiếu những người khốn khổ. Từ đó, lại thêm một lần nữa, Thành đau với nỗi đau của các dân tộc cùng cảnh ngộ của những người lao động bị áp bức. Đó là cơ sở để trước khi trở thành người lãnh tụ cộng sản, Nguyễn Ái Quốc là người viết nhiều nhất về người bị áp bức, dân tộc bị áp bức, là điều kiện để khi ra nước ngoài, thì người nhanh chóng xây dựng được tình cảm, tư tưởng đoàn kết giai cấp, đoàn kết dân tộc, cùng chống chủ nghĩa thực dân.

5. Mang sẵn trong mình nỗi đau của những người dân bị bắt đi làm phu ở quê hương, của đồng bào bị đàn áp trong cuộc biểu tình đòi giảm sưu cao, thuế nặng ở 6 huyện tỉnh Thừa thiên, Nguyễn Tất Thành khi dạy học ở trường Dục Thanh thuộc "Liên thành thương quán" tại thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (khoảng cuối năm 1909 đến cuối năm 1911), một trường có xu hướng:

"Cùng nhau xóa bỏ lễ thói cũ

Chung sức cõ động lối duy tân" (14)

đã giảng giải cho học trò nghe về lịch sử đất nước, lòng yêu quê hương, đạo lý làm người, tình đồng bào ruột thịt, đùm bọc nhau, máu chảy ruột mềm:

"Hễ có tay, có chân, có, có mặt

Chữ đồng tâm (người dẫn nhấn mạnh) cho chắc mới nên người" (15)

Ngoài giờ học, sau mỗi buổi ăn cơm hay vào những ngày nghỉ, thầy giáo và học sinh thường quây quần trò chuyện với nhau. Thông qua việc hướng dẫn học sinh tham quan, thắng cảnh hoặc đi tích lịch sử trong vùng, thầy đã kể các câu chuyện hoặc đọc các bài ca yêu nước trong phong trào Đông Du hay trong cuộc vận động Duy tân cho học sinh nghe, qua đó giáo dục tư tưởng, tình cảm đoàn kết yêu nước trong học sinh. Có thể coi trường Dục Thanh là môi trường xã hội đầu tiên để Nguyễn Tất Thành có điều kiện tuyên truyền cho học sinh tư tưởng đoàn kết yêu nước, và cũng là một dịp có thêm cơ hội hòa mình với học sinh, nêu một tấm gương về tình đồng bào ruột thịt, tình thầy trò, tình

thương yêu dùm bọc lẫn nhau của những người cùng thân phận nô lệ, nhưng đều có lòng yêu nước.

Những năm tháng tiếp theo sau khi Nguyễn Tất Thành rời trường Dục Thanh về Sài Gòn, và sau đó là cuộc hành trình trong khoảng 10 năm (1911 - 1920) đến nhiều nơi trên thế giới, một lần nữa anh lại tranh thủ cơ hội và tận dụng mọi thời gian để hòa mình vào cuộc sống của những người lao động, để cảm nhận nó như chính bản thân cuộc sống của mình. Với những chuyến đi, những cuộc khảo nghiệm đó, tấm lòng yêu nước, tình cảm đối với những người dân bị chà đạp, đè nén ở Người đã có sự phát triển. Sự đồng cảm với đồng bào mình đã được nâng lên thành sự đồng cảm với nhân dân lao động, với các dân tộc cùng chung cảnh ngộ, ở cả chính quốc, lẫn thuộc địa, kẻ thù của những người bị bóc lột không chỉ là thực dân Pháp và giai cấp phong kiến, mà còn là chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc nói chung. Trên cơ sở đó, Người rút ra một kết luận có tính chất nền tảng đầu tiên ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác, ở đâu những người lao động cũng bị bóc lột, áp bức nặng nề, và "dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột, mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản" (16).

Một trong những bài báo đầu tiên mở đầu cho quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là bài "Đông dương" đăng trên số 15 La Revue Communiste (Tạp chí cộng sản) tháng 5/1921. Trong bài báo đó, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến sức mạnh vĩ đại của những người bị áp bức Châu Á và sự giúp đỡ của họ đối với các anh em phương tây. Người viết "Cái ngày mà hàng trăm triệu người dân châu Á bị dọa dẫm và đàn áp sẽ thức tỉnh để tự rũ bỏ khỏi sự bóc lột ti tiện của vài tên thực dân tham lam vô độ, họ sẽ tạo thành một sức mạnh vĩ đại (người trích nhấn mạnh) và sẽ có thể trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc giúp đỡ các anh em phương tây (người trích nhấn mạnh) của họ trong sự nghiệp giải phóng hoàn toàn" (17).

Hai năm sau khi bài báo đăng, năm 1923, trước lúc từ giả các bạn cùng hoạt động ở Pháp trong "Hội liên hiệp thuộc địa" Người viết thư để lại nói rõ ý định tổ chức, đoàn kết lực lượng dân tộc mình để giành tự do, độc lập "đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập" (18).

Sau một quá trình 10 năm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, ngày 3 tháng 2 năm 1930, được sự ủy nhiệm của Quốc tế cộng sản, Người chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam. Từ mốc lịch sử đó, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn thiện về đường lối chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Mặt trận dân tộc thống nhất ở Việt Nam, mà đỉnh cao là mặt trận Việt Minh năm 1941, một trong những nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945.

Việt Minh ra đời gắn liền với tên tuổi Hồ Chí Minh, gắn liền với chiến lược "đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết", là kết quả tất yếu của một quá trình phát triển của tư tưởng và đạo đức coi đoàn kết là lẽ sinh tồn của dân tộc ta từ ngàn xưa. Ngọn cờ đoàn kết mà Hồ Chí Minh đã giương cao cũng xuất phát từ tư tưởng và tình cảm tương thân, tương

ái, độ lượng bao dung mà Người đã hấp thụ được từ trong truyền thống văn hóa gia đình, quê hương, được nuôi dưỡng và phát triển suốt cả tuổi thiếu thời. Vì vậy có thể coi quê hương, gia đình là cội nguồn hình thành tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh.

CHÚ THÍCH

- (1) Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 3, Nxb Sự thật, H. 1983, Tr 41
- (2) Phạm Văn Đồng: Tờ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ, Nxb Văn học. H. 1983, tr 447.
- (3) BNCLSDNT: Những màu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ, Nxb Sự thật, H. 1985, tr 42, 43.
- (4) E. Còbelép: Đồng chí Hồ Chí Minh, Nxb Tiến bộ, H 1985, tr 30.
- (5) BNCLSDNT: Những màu chuyện... số d tr 67.
- (6) E. Còbelép: số d tr. 34.
- (7) BNCLSDNT: số d tr 74.
- (8) E. Còbelép: số d tr 22.
- (9) BNCLSDTU: Chủ tịch Hồ Chí Minh tiểu sử và sự nghiệp Nxb ST, H, 1980, tr 15.
- (10) E Còbelép: số d tr 31.
- (11) Sơn Tùng - Búp sen xanh, Nxb Kim đồng, H. 1984, tr 132.
- (12) Sơn Tùng - số d tr 147.
- (13) E. Còbelép: số d tr 37, 38.
- (14) BNCLSDNT: số d, tr 78.
- (15) BNCLSDNT: số d, tr 79
- (16) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 1, số d tr 212.
- (17) Tạp chí Cộng sản, 1/1990, tr. 32.
- (18) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 1, số d, tr 174.